**PHỤ LỤC 1**

**BẢNG ĐIỂM**

**Sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học**

**và các thành tích được tính là sáng kiến**

(*Áp dụng xét, công nhận danh hiệu thi đua cá nhân theo Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN, ban hành kèm theo Quyết định số 750/QĐ-ĐHQN ngày 16/5/2018*)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Các thành tích được tính là sáng kiến** | **Số điểm** |
| **1** | **Thực hiện đề tài NCKH (dự án) các cấp đã nghiệm thu đạt yêu cầu trở lên**  *\* Trường hợp đề tài có 02 người trở lên tham gia, chủ nhiệm đề tài được hưởng ½ số điểm, ½ số điểm còn lại chia đều cho các thành viên tham gia (kể cả chủ nhiệm đề tài).* |  |
| - Đề tài (dự án) NCKH trọng điểm cấp Nhà nước; đề tài (dự án) độc lập cấp Nhà nước và dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước; đề tài cấp Nhà nước thuộc Quỹ phát triển NCKH quốc gia (Nafosted) | 6,0 điểm/đề tài |
| - Đề tài (dự án) cấp Bộ, Tỉnh | 4,0 điểm/đề tài |
| - Đề tài NCKH cấp Trường | 2,0 điểm/đề tài |
| **2** | **Thực hiện các hợp đồng NCKH, chuyển giao kỹ thuật và công nghệ, tham gia các cuộc thi sáng tạo, sáng kiến kinh nghiệm**  *\* Trường hợp có 02 người trở lên tham gia, tác giả được hưởng ½ số điểm, ½ số điểm còn lại chia đều cho các thành viên (kể cả tác giả)* |  |
| - Được cấp bằng phát minh, sáng chế cấp Nhà nước | 6,0 điểm/sáng chế |
| - Sản phẩm NCKH được thương mại hóa hoặc thực tiễn chấp thuận rộng rãi (có bản quyền) | 3,5 điểm/sản phẩm |
| - Được cấp Bằng lao động sáng tạo cấp Tổng Liên đoàn Lao động, cấp Tỉnh | 3,0 điểm/sáng tạo |
| - Sáng kiến kinh nghiệm cấp Trường đã nghiệm thu đạt yêu cầu và được đưa vào sử dụng | 1,0 điểm/sáng kiến |
| **3** | **Bài báo được đăng trên các tạp chí và kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học**  *\* Trường hợp bài báo có nhiều người tham gia, số điểm được chia đều cho tất cả các tác giả* |  |
| - Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI | 3,0 điểm/bài |
| - Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành (được các Hội đồng chức danh giáo sư ngành, liên ngành tính điểm) | 2,0 điểm/bài |
| - Báo cáo KH tại các hội nghị KH quốc tế đăng toàn văn trong kỷ yếu hội nghị có phản biện khoa học | 1,5 điểm/bài |
| - Bài báo đăng trên các tạp chí khoa học các trường đại học, viện nghiên cứu có chỉ số ISSN; báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học quốc gia đăng toàn văn trong kỷ yếu hội nghị có phản biện khoa học | 1,0 điểm/bài |
| - Báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học cấp trường đại học, viện nghiên cứu đăng toàn văn trong kỷ yếu hội nghị có phản biện khoa học | 0,5 điểm/bài |
| **4** | **Biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo**  *\* Trường hợp sách có nhiều đồng tác giả, chủ biên được 1/3 số điểm, số điểm còn lại chia cho tất cả các thành viên (kể cả chủ biên) tùy theo số trang đóng góp của từng người* |  |
| - Sách chuyên khảo đã xuất bản | 5,0 điểm/đầu sách |
| - Sách tham khảo đã xuất bản | 3,0 điểm/đầu sách |
| - Giáo trình đã xuất bản | 3,0 điểm/đầu sách |
| - Giáo trình lưu hành nội bộ | 2,0 điểm/đầu sách |
| **5** | **Hướng dẫn sinh viên NCKH** |  |
| - Đề tài NCKH sinh viên đạt giải cấp Bộ và tương đương | 1,0 điểm/đề tài |
| - Đề tài NCKH sinh viên đạt giải cấp Trường (≤ 2 đề tài/GV) | 0,5 điểm/đề tài |
| - Đề tài NCKH sinh viên cấp Trường đã nghiệm thu đạt yêu cầu (≤ 2 đề tài/GV) | 0,25 điểm/đề tài |
| **6** | **Trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng sinh viên dự thi Olympic đoạt huy chương**  *\* Điểm chia đều cho các thành viên tham gia giảng dạy, bồi dưỡng* |  |
| - Huy chương Vàng | 1,5 điểm/giải |
| - Huy chương Bạc | 1,0 điểm/giải |
| - Huy chương Đồng | 0,5 điểm/giải |
| **7** | **Soạn thảo quy chế, quy định, đề án được Hiệu trưởng ký ban hành áp dụng trong Trường** |  |
| * Chủ trì | 1,0 điểm/văn bản |
| * Thường trực | 0,5 điểm/văn bản |
| * Tham gia | 0,25 điểm/văn bản |